TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2020/QĐST- TCDS	*Y, ngày 06 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng thụ lý số: 04/2020/ TLST- TCDS ngày 10 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự**:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q;

Địa chỉ: Số 28C- 28D, phường H1, quận H2, Hà Nội.

Ủy quyền số 50/2019/UQ- CTHĐQT ngày 28/06/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị- Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Q v/v Ủy quyền ký đơn khởi kiện, tham gia tố tụng trong các vụ án dân sự và ủy quyền lại; Ủy quyền cho: Ông Lương Văn T1- Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ- Khu vực Miền Bắc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1985- Cán bộ Ngân hàng.

ĐC: Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Theo Giấy ủy quyền số 422/2019/UQ- NCB ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Ngân hàng TMCP Q;

Bị đơn:

1. Chị Trần Thị Kim T3, sinh năm 1975

2. Anh Hà Việt D, sinh năm 1975; Do chị Trần Thị Kim T3 là vợ đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 02 năm 2020.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau**:

- *Về số tiền nợ*: Ông Trần Văn T2 là người đại diện ủy quyền của Ngân Hàng TMCP Q (NCB), chị Trần Thị Kim T3 là bị đơn và là người đại diện ủy quyền của anh Hà Việt D thỏa thuận tạm tính đến ngày 28/02/2020, chị T3 và anh D nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc là 121.526.376đ , Lãi quá hạn là 7.549.163đ, phạt gốc quá hạn là 459.789đ và phạt lãi quá hạn là 135.657; Tổng số 129.670.985 (*Một trăm hai chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn chín trăm tám lăm đồng).*

- *Về phương thức thanh toán*: Ông Trần Văn T2 là người đại diện ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q và chị Trần Thị Kim T3 là bị đơn và là người đại diện ủy quyền của anh D thỏa thuận, chị T3 và anh D trả Ngân hàng TMCP Q số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/02/2020 là 129.670.985 (*Một trăm hai chín triệu sáu trăm bảy mươi nghìn chín trăm tám lăm đồng)* vào ngày 25 tháng 5 năm 2020 (dương lịch).

- *Về án phí*: Chị T3 và anh D tự nguyện chịu 1.620.887 đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Q tự nguyện chịu 1.620.887đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp là 3.135.051đ theo biên lai số AA/2018/0004173 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Ngân hàng được hoàn trả số tiền là 1.514.164đ.

Căn cứ Điều 12, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Tuyến không được miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất như trong Hợp đồng cho vay kiêm Khế ước nhận nợ số: 061/2018/HĐCV- TDTC ngày 11 tháng 10 năm 2018 kể từ ngày giao dịch cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKS nhân dân huyện Y(02b);
- Chi cục THADS huyện Y;
- Đương sự; lưu HS, VP.

Bùi Thị Hương